

CÁC BÀI TUYỆT CÚ trong Quốc Âm Thi Tập
NGUYỄN TRÃI

Nguyễn Đình-Hoà & Lê Văn Đặng. hợp soạn phần Phiên Quốc Ngữ.
NGUỒN: Ưc Trai Di Tập quyển 7. Nguyên Bản Phúc Khê (1868)

XUÂN HOA 春花

(196)

翻躺夏天俸曩曳
秋冬冷了奇和仁
東風有限信春旦
潭蔭市花拯卒鮮

Ba tháng hạ thiên bóng nắng dài,
Thu đông lạnh lẽo cả hoà hai.
Đông phong từ hẹn tin xuân đến,
Đầm ảm nào hoa chẳng tốt tươi.

HẠ CẢNH 夏景

(197)

為埃朱丐杜鵑叫
魏王用孕紙丙紉
吏固槐花羶俸綠
式春戔點惱悉饒

Vì ai cho cái đồ quỳên kêu,
Tay ngọc dùng dăng chỉ biếng thêu.
Lại có hoè hoa chen bóng lục,
Thức xuân một điểm nảo lòng nhau.

THU NGUYỆT 秋月

(198)

冬它悶吏郎春
春悶夏劫吏对吝
筭計司務固月
秋謳羅忍戔仁分

Đông đà muộn lại sang xuân,
Xuân muộn thì hè lại đối lằn.
Tính kể tư mùa có nguyệt,
Thu âu là nhẫn một hai phần.

TÍCH CẢNH THI 惜景詩十三首

1 (199)

侯軼坤吏惜傾傾
秋旦店戈感阻悞
戔嗜持兜兜檜月
寬寬仍戔鷗散暈

Hầu nên khôn lại tiếc khuâng khuâng,
Thu đến đêm qua cảm và mùng
Một tiếng chày đầu đâm cối nguyệt,
Khoan khoan những lệ ác tan vừng.

2 (200)

矚竹群誇節勁
扇柳包揜絲饒
樓紅固客拵春於
琴玉魏埃啣唯添

Dịp trúc còn khoe tiết cứng,
Rày liễu đã rủ tơ mềm.
Lầu hồng có khách cầm xuân ở,
Cầm ngọc tay ai dặng dôi thêm.

3 (201)

啣唯边聰嗜管弦
悉春忍動乙坤辰
春撐渚易仁番吏
甕景强添惜少年

Dặng dôi bên tai tiếng quản huyền,
Lòng xuân nhẫn động ất khôn thìn.
Xuân xanh chưa dễ hai phen lại,
Thấy cảnh càng thêm tiếc thiếu niên.

4 (202)

惜少年戈粟限冷
花花月月隨無情
边撐女負嘒頭泊
頭泊初尼固課撐

*Tiếc thiếu niên qua phiêu hện lạnh,
Hoa hoa nguyệt nguyệt luống vô tình.
Bên xanh nữ phụ cười đầu bạc,
Đầu bạc xưa nay có thuở xanh.*

5 (203)

矣几边撐渚負得
式春計特余番鮮
為秋朱忍頭輒泊
渚易埃它匹黠邈

*Hỡi kẻ bên xanh chớ phụ người,
Thức xuân kể được mấy phen tươi.
Vì thu cho nhần đầu nên bạc,
Chưa dễ ai đà ba bảy mươi.*

6 (204)

匹黠邈市隨辱身
特輪包別事云云
渚嘒賢輻浪曳
拈爇制店黠惜春

*Ba bảy mươi nào luống nhọc thân,
Được thua đã biết sự vân vân.
Chớ cười hiền trước rằng đại,
Cầm đuốc chơi đêm bởi tiếc xuân.*

7 (205)

惜春拈爇莽制店
仍戾春戈歲索添
拯体外軒絲柳愈
戔番柳愈戔番穢

*Tiếc xuân cầm đuốc mảng chơi đêm,
Những lệ xuân qua tuổi tác thêm.
Chẳng thấy ngoài hiền tơ liễu rủ,
Một phen liễu rủ một phen mềm.*

8 (206)

柳穢愈日迢香
興卞樓踈客砧浪
体景悉踈强問曰
戔番惜景戔番傷

*Liễu mềm rủ, nhật đưa hương,
Hứng bện lầu thơ, khách ngại rằng.
Thấy cảnh lòng thơ càng vấn vít,
Một phen tiếc cảnh, một phen thương.*

9 (207).

傷景為因景有情
况之得邈景和清
春匹腦却秋匹腦
花月衰用余發冷

*Thương cảnh vì nhân cảnh hữu tình,
Huống chi người lạ, cảnh hoà thanh.
Xuân ba tháng thì thu ba tháng,
Hoa nguyệt đơn dùng mấy phút lành.*

10 (208)

乱单暗晦客樓紅
覃蔭却傷几冷澗
外意油群襖襪
奇悉慢答襖唏共

*Loàn đơn wóm hời khách lầu hồng,
Đầm âm thì thương kẻ lạnh lũng.
Ngoài ấy dù còn áo lẻ,
Cả lòng mượn đắp lấy hơi cùng.*

11 (209)

匹春却特尫邈時
生物悉至拯私
吧保東風諧曷𠄎
世情渚惜仍仍台

*Ba xuân thì được chín mươi ngày,
Sinh vật lòng trời chẳng tây.
Rỉ bảo đông phong hời hợt ít,
Thế tình chớ tiếc đừng đừng thay.*

12 (210)

樓撐自体客詩人
為景悉得惜景春
買責青童信演旦
罢徵係主東君

*Lầu xanh từ thấy khách thi nhân,
Vì cảnh lòng người tiếc cảnh xuân.
Mới trách thanh đồng tin diễn đến,
Bởi chưng hệ chúa Đông quân.*

13 (211)

兜兜共召令東君
市准市庄臚春
况吏園群花竹窳
搥式卒邏躉分

*Đâu đâu cũng chịu lệnh Đông quân,
Nào chón nào chẳng gió xuân.
Huống lại vườn còn hoa trúc cũ,
Trỗi thức tốt lạ mưòi phân.*

TÙNG THI 松詩 三首

1 (218)

秋旦稜市拯邏透
茂命辣課匹冬
林泉埃浪麓夕客
才棟梁高乙奇用

*Thu đến cây nào chẳng lạ lùng,
Một mình lạt thuở ba đông.
Lâm tuyền ai rặng già làm khách,
Tài đồng lương cao ắt cả dùng.*

2 (219)

棟梁才固余朋眉
茹奇隊番掣跬台
檜帆駢移拯動
雪霜体匱鄧饒暉

*Đống lương tài có mấy bằng mày,
Nhà cả đòi phen chóng khoẻ thay.
Cội rẽ bên, dờn chẳng động,
Tuyết sương thấy đã đặng nhiều ngày.*

3 (220)

雪霜体匱鄧饒暉
固轅長生强跬台
琥珀茯苓認買別
甕群底助民尼

*Tuyết sương thấy đã đặng nhiều ngày,
Có thuốc trường sinh càng khoẻ thay.
Hổ phách phục linh nhìn mới biết,
Dành còn để trợ dân này.*

TRÚC THI 竹詩 三首

1 (221)

花柳朝春拱有情
於眉為摆節眉清
匱曾固嗜工代女
君子埃拯嶙名

*Hoa liễu chiều xuân cũng hữu tình,
Ưa mi vì bởi tiết mi thanh.
Đã từng có tiếng trong đời nữa,
Quân tử ai chẳng mảng danh.*

2 (222)

名君子嗜饒暉
保客知音買別哈
况吏仍仍生變俗
丈夫節勁恪得台

*Danh quân tử tiếng nhiều ngày,
Bảo khách tri âm mới biết hay.
Huống lại nhưng nhưng sinh biến tục,
Trượng phu tiết cứng khác người thay.*

3 (223)

丈夫節勁恪得台
養愈至固意為

*Trượng phu tiết cứng khác người thay,
Dưỡng dưỡng trời có ý vay.*

徐課化蟪強邏女
主春囁強初台

*Từ thuở hóa rông càng lạ nữa,
Chúa xuân ngẫm càng xưa thay.*

MAI THI 梅詩 三首

1 (224)

春旦市花拯卒鮮
於眉為節瀝欣得
閣東乙匋曾多客
呵仍連仙結伴制

*Xuân đến nào hoa chẳng tốt tươi,
Ưa mi vì tiết sạch hơn người.
Gác Đông ắt đã từng làm khách,
Há những Bô tiên kết bạn chơi.*

2 (225)

仙連結匋閉秋遲
吟吼荒朋覓重台
吏固蔑梗外意甑
俸踈窳諾動得為

*Tiên Bô kết đã bấy thu chầy,
Ngẫm ngọt nhường bằng méch trọng thay.
Lại có một cảnh ngoài ấy lẽ,
Bóng thừa ánh nước động người vay.*

3 (226)

俸踈窳諾動得為
凜遙香匋月哈
况吏榜春初占特
躡三友拯朋眉

*Bóng thừa ánh nước động người vay,
Lịm đưa hương một nguyệt hay.
Huống lại bảng xuân sơ chiếm được,
So tam hữu chẳng bằng mày.*

MÃU ĐƠN HOA 牡丹花

(233)

匋身和卒吏鬪
富貴謳拯劒海棠
來朗悉踈吟渚堵
外娘璇玉篆群香

*Một thân hoà tốt lại sang,
Phú quý âu chẳng kém hải đường.
Lai láng lòng thơ ngâm chưa đủ,
Ngoài nương tuyền ngọc triện còn hương.*

HOÀNG TINH 黃精

(234)

坦餘養特襟黃精
構方冷底養命
埃浪縹柴拯鬻藥
哈園匋固味長生

*Đất dư nuôi được khóm hoàng tinh,
Cấu phương lạnh để dưỡng mình.
Ai rằng túi thầy chẳng đủ thuốc,
Hay vườn đã có vị trường sinh.*

THIÊN TUẾ THỤ 千歲樹

(235)

核綠院院俸綠印
春饒歲匋計餘旰
尋尋匋固仙夕伴
遙東仙來拯沛噴

*Cây lục vờn vờn bóng lục in,
Xuân nhiều tuổi đã kể dư ngàn.
Ngày ngày đã có tiên làm bạn,
Đưa thuốc tiên lai chẳng phải xin.*

BA TIÊU 芭蕉

(236)

自變唏春卒吏添

Từ bén hơi xuân tốt lại thêm,

苔蓬邏牟偷店
情書蔑幅封群謹
臆尼兜强驪祐

*Đầy buồn lạ màu thâu đêm.
Tình thư một bức phong còn kín,
Gió nơi đâu gương mở xem.*

MỘC CẬN 木槿

(237)

荇花印蔑朶紅
掇洳拯变字羅悉
朝埋妾朝歆灑
事邏朱哈絕色空

*Ánh nước hoa in một đoá hồng,
Và như chẳng bén, bụt là lòng.
Chiều mai nở, chiều hôm rụng,
Sự lạ cho hay tuyệt sắc không.*

GIÁ 蔗

(238)

院春潭蔭濃初唯
襖細凶凶課默催
啞諾箕埃特趣
吝曾焟買哈味

*Viện xuân đầm ám nắng sơ soi,
Áo tế hung hung thuở mặc thôi.
Ản nước kia ai được thú,
Lên từng đốt mới hay mùi.*

LÃO DUNG 老榕

(239)

尋特林泉准養
蔑番春細蔑番春
雖它渚固才梁棟
俸奇如群葉旦民

*Tìm được lâm truyền chốn dưỡng thân,
Một phen xuân tới một phen xuân.
Tuy đà chưa có tài lương đồng,
Bóng cả như còn rợp đến dân.*

CÚC 菊

(240)

市花拯变氣覃歆
固余保霜藥買兜
重九渚嫵秋缶悶
朱哈秋悶節强蒼

*Nào hoa chẳng bén khí đầm hâm,
Có mấy bầu sương nhị mới đâm.
Trùng cửu chó hiềm thu đã muộn,
Cho hay thu muộn tiết càng thơm.*

MỘCHOA 木花

(241)

歪生物愠朋尋
裊特蒼菟少平鮮
乙固哈隊所分
拯腰劫渚女之喞

*Trời sinh vật vãn bằng người,
Nếu được thơm tho thiếu tốt tươi.
Ít có hay đòi thuở phận,
Chẳng yêu thì chó nữ chi cười.*

MẠT LỢI HOA 茉莉花

(242)

枚輪变粉移移
居月逐春蔑月哈
余几紅顏時泊分
紅顏箕渚忌命台

*Mai son bén phấn hây hây,
Đêm nguyệt đưa xuân một nguyệt hay.
Mấy kẻ hồng nhan thời bạc phận,
Hồng nhan kia chó cây mình hay.*

LIÊN HOA 蓮花

(243)

淋漓拯變平和清
君子堪困特所名
臆遙香店月淨
貞夕貼固埃爭

*Lâm như chẳng bén tốt hoà thanh,
Quân tử kham khuôn được thừa danh.
Gió đưa hương đêm nguyệt tĩnh,
Trình làm của có ai tranh.*

HOÈ 槐

(244)

夢冷乃乃櫻槐橈
幾發春戈幾發鬪
固課暝夏張傘綠
屯屯俸葉闌三公

*Mộng lạnh nảy nảy bởi hoè trồng,
Một phút xuân qua một phút trông,
Có thưở ngày hè gương tán lục,
Đùn đùn bóng rợp cửa tam công.*

CAM ĐƯỜNG 甘棠

(245)

體俸甘棠汝召公
坦餘移特伴共椿
筆踈缶割香群變
吟議市埃拯動悉

*Thấy bóng cam đường nhớ Thiệu Công,
Đất dư đời được bạn cùng thông.
Bút thơ đã chép hương còn bén,
Ngâm ngợi nào ai chẳng động lòng.*

TRƯỜNG AN HOA 長安花

(246)

意拯西施劫太真
歪朱卒邏灑分
暝遲點缶丰裙堵
炤罽務幾式春

*Áy chẳng Tây Thi thì Thái Chân,
Trời cho tốt lạ mùi phân.
Ngày chày điểm đã phong quần đỏ,
Rỡ tư mùa một thức xuân.*

DƯƠNG 楊

(247)

占特韶光尅灑
移移花妾平和鮮
東風固意連持女
幾發春羅幾動得

*Chiếm được thiêu quang chín mươi,
Dây dây hoa nở tốt hoà tươi.
Đông phong có ý bù trờn nữa,
Một phút xuân là một động người.*

ĐÀO HOA THI 桃花詩 六首

1 (227)

幾朶桃花窈卒鮮
隔春噉噉體春噉
東風乙固情哈女
建羨味香易動得

*Một đóa đào hoa khéo tốt tươi
Cách xuân môn môn thấy xuân cười
Đông phong ắt có tình hay nữa
Kín tiễn mùi hương dễ động người*

2 (228)

動得花窈焮精神
少櫻為花少櫻春

*Động người hoa khéo tỏ tinh thần
Ít bởi vì hoa ít bởi xuân*

吧使鷓撐停祝磊	<i>Ri sứ chim xanh đừng chuốc lối</i>
逋持匏固氣洪鈞	<i>Bù trì đã có khí Hồng Quân</i>
3 (229)	
氣洪鈞矣舍裁戈	<i>Khí Hồng Quân hây xá tài qua</i>
渚負春尼渚負花	<i>Chớ phụ xuân này chớ phụ hoa</i>
花固意韜春固意	<i>Hoa có ý thì xuân có ý</i>
兜兜共負氣陽和	<i>Đâu đâu cũng một khí dương hoà</i>
4 (230)	
氣陽和可固私埃	<i>Khí dương hoà há có tư ai</i>
能負花尼忍每類	<i>Năng một hoa này nhẫn mọi loài</i>
筭計參群匹媵女	<i>Tính kể chẵn còn ba tháng nữa</i>
及春馬底騰桃派	<i>Kịp xuân ngựa để má đào phai</i>
5 (231)	
騰桃派歇櫻春戈	<i>Má đào phai hết bởi xuân qua</i>
裊吏宥韜連隴花	<i>Nẻo lại đăm thì liền luống hoa</i>
宴所瑤池它固限	<i>Yến sở Dao Trì đã có hẹn</i>
渚朱方朔旦鄰羅	<i>Chớ cho Phương Sóc đến lân la</i>
6 (232)	
方朔鄰羅匏許機	<i>Phương Sóc lân la đã hờ cơ</i>
匹番濫特呵情期	<i>Ba phen trộm được há tình cờ</i>
固埃厭晦仙王母	<i>Có ai ước hỏi Tây Vương mẫu</i>
信可信韜疑可疑	<i>Tin khá tin thì ngờ khá ngờ</i>

TRÍCH THƯ MỤC

Bản Nôm:

- [1] 抑齋遺集福溪原本 *Ức Trai Di Tập* Phúc Khê Nguyên Bản (1868) . Lê Văn Đăng hiệu đính. Hải Biên (1995).
- [2] 皇黎抑齋相公遺集 *Hoàng Lê Ức Trai tướng công di tập* . Thư Viện Vietnam, ký số R.2016 (2009)
- [3] 國音詩集 *Quốc Âm Thi Tập*. Nguyễn Đình-Hoà, manuscript. Carbondale, Illinois.
- [4] 全越詩卷翰林院承旨穎城伯臣黎貴惇奉編定 *Toàn Việt Thi Quyển*. Lê Trãi. Hàn Lâm Viện thừa chỉ Dĩnh Thành Bá Thân Lê Quý Đôn phụng biên định
- [5] Đăng Thế Kiệt: <http://perso.wanadoo.fr/dang.tk/>

Tài liệu khác:

- [6] “Quốc Âm Thi Tập”. Nguyễn Đình-Hoà & Lê Văn Đăng. hợp soạn. Hải Biên 1999.
- [7] “Quốc Âm Thi Tập”. Trần Văn Giáp, Phạm Trọng Điềm. Tài liệu in ronéo. Đại Học Văn Khoa Saigon. 1956.
- [8] “Ức Trai Di Tập, Bổ sung phần Văn Chương”. Bùi Văn Nguyên. NXB. 1994.

- [9] Fifteenth-Century Vietnamese: “the Language of Nguyễn Trãi”. Nguyễn Đình-Hoà. Paper given at the 8th International Conference on Sino-Tibetan Languages and Linguistics, Berkeley, California. 1975.
- [10] “Some Archaic in the the Fifteenth-Century Vietnamese” Language of Nguyễn Trãi. Nguyễn Đình-Hoà. Paper given at the 15th International Conference on Sino-Tibetan Languages and Linguistics, Peking, 1982.
- [11] “Simplifications in Nôm Characters” Monograph on Nôm Characters. Lê Văn Đặng. Việt-Học Publishing Department. California. 2001.
- [12] Nguyễn Đình-Hoà “Some Archaic Vietnamese Words in Nguyễn Trãi’s Poems”.. Lê Văn Đặng ed. with additional Notes & Glossary. Monograph on Nôm Characters. Việt-Học Publishing Department. California. 2001.

Lê Văn Đặng
The han-nom team

